

1. Định nghĩa Tính từ kép (Compound Adjectives)

Tính từ kép là tính từ được tạo thành bằng cách kết hợp hai hoặc nhiều từ với nhau, thường được nối bằng dấu gạch nối (-). Chúng hoạt động như một tính từ duy nhất để bổ nghĩa cho danh từ đứng sau nó.

Ví dụ: a **well-known** singer (một ca sĩ nổi tiếng), a **five-page** document (một tài liệu dài năm trang).

Trong bài này, chúng ta sẽ tập trung vào cấu trúc phổ biến nhất: **Danh từ + Tính từ**.

2. Cấu trúc và phân loại Tính từ kép (Danh từ + Tính từ)

Đây là dạng tính từ kép được hình thành khi một danh từ kết hợp với một tính từ để tạo ra một ý nghĩa mới, mô tả đặc điểm của danh từ chính trong cụm danh từ.

Công thức chung: Noun + Adjective

Khi đứng trước danh từ mà nó bổ nghĩa, tính từ kép này thường có dấu gạch nối.

Khi đứng sau động từ to be hoặc động từ nối, nó có thể không có gạch nối.

- Ví dụ 1: She bought a **brand-new** car. (Cô ấy đã mua một chiếc xe mới toanh.)
- Ví dụ 2: Her car is **brand new**. (Chiếc xe của cô ấy mới toanh.)

Dưới đây là các nhóm phổ biến nhất của cấu trúc này.

2.1. Danh từ + Tính từ (Chỉ đặc điểm, tính chất)

Nhóm này mô tả một đối tượng có đặc điểm hoặc tính chất của danh từ đứng đầu.

Công thức: Noun + Adjective

Giải thích: Diễn tả đối tượng có tính chất "tính từ" như "danh từ". Ví dụ, 'ice-cold' có nghĩa là lạnh như băng.

Ví dụ minh họa:

- **world-famous** (nổi tiếng khắp thế giới) → He is a **world-famous** scientist. (Ông ấy là một nhà khoa học nổi tiếng thế giới.)
- **ice-cold** (lạnh như băng) → I would love an **ice-cold** drink right now. (Tôi rất muốn một ly nước lạnh như băng ngay bây giờ.)
- **paper-thin** (mỏng như giấy) → The walls of this room are **paper-thin**; I can hear everything. (Tường của căn phòng này mỏng như giấy; tôi có thể nghe thấy mọi thứ.)
- **stone-deaf** (điếc đặc) → My grandfather is **stone-deaf** in his left ear. (Ông tôi bị điếc đặc tai trái.)
- **blood-red** (đỏ như máu) → She was wearing a **blood-red** dress to the party. (Cô ấy đã mặc một chiếc váy đỏ như máu đến bữa tiệc.)

2.2. Danh từ + Tính từ (Chỉ màu sắc)

Đây là một nhánh nhỏ của nhóm trên, chuyên dùng để mô tả màu sắc một cách sinh động hơn.

Công thức: Noun (chỉ vật có màu đặc trưng) + Adjective (color)

Giải thích: Dùng một danh từ có màu sắc đặc trưng để nhấn mạnh cho tính từ chỉ màu sắc đi sau.

Ví dụ minh họa:

- **snow-white** (trắng như tuyết) → The bride wore a **snow-white** gown. (Cô dâu mặc một chiếc váy cưới trắng như tuyết.)
- **sky-blue** (xanh da trời) → She has beautiful **sky-blue** eyes. (Cô ấy có đôi mắt màu xanh da trời rất đẹp.)
- **jet-black** (đen nhánh) → The cat has **jet-black** fur. (Con mèo có bộ lông đen nhánh.)
- **grass-green** (xanh lá cây) → He painted the fence a vibrant **grass-green** color. (Anh ấy đã sơn hàng rào màu xanh lá cây rực rỡ.)

2.3. Danh từ + Tính từ (Mang nghĩa "không có/miễn")

Nhóm này rất phổ biến trong đời sống, đặc biệt trên các sản phẩm, biển báo, thường kết thúc bằng "-free".

Công thức: Noun + free

Giải thích: Có nghĩa là "không có" hoặc "được miễn" thứ được đề cập ở danh từ phía trước.

Ví dụ minh họa:

- **sugar-free** (không đường) → This drink is **sugar-free**, so it's suitable for diabetics. (Thức uống này không có đường nên phù hợp cho người bị tiểu

đường.)

- **duty-free** (miễn thuế) → You can buy cheaper perfumes at the **duty-free** shop at the airport. (Bạn có thể mua nước hoa rẻ hơn ở cửa hàng miễn thuế tại sân bay.)
- **smoke-free** (không khói thuốc) → This is a **smoke-free** restaurant; you cannot smoke here. (Đây là một nhà hàng không khói thuốc; bạn không thể hút thuốc ở đây.)
- **carefree** (vô tư, không lo nghĩ) → I miss my **carefree** childhood days. (Tôi nhớ những ngày thơ ấu vô tư của mình.)

2.4. Danh từ + Tính từ (Mang nghĩa "thân thiện/dễ dàng")

Nhóm này thường kết thúc bằng "-friendly", dùng để chỉ sự phù hợp, không gây hại hoặc dễ dàng sử dụng cho một đối tượng nào đó.

Công thức: Noun + friendly

Giải thích: Diễn tả sự thân thiện, phù hợp, hoặc không gây hại cho đối tượng được nêu ở danh từ.

Ví dụ minh họa:

- **user-friendly** (thân thiện với người dùng) → The new software has a very **user-friendly** interface. (Phần mềm mới có giao diện rất thân thiện với người dùng.)
- **eco-friendly** (thân thiện với môi trường) → We should switch to **eco-friendly** products to protect our planet. (Chúng ta nên chuyển sang dùng

các sản phẩm thân thiện với môi trường để bảo vệ hành tinh.)

- **pet-friendly** (thân thiện với thú cưng) → We are looking for a **pet-friendly** hotel for our summer vacation. (Chúng tôi đang tìm một khách sạn thân thiện với thú cưng cho kỳ nghỉ hè.)

2.5. Các trường hợp đặc biệt khác

Ngoài các nhóm trên, có nhiều tính từ kép cấu trúc Noun + Adjective khác không theo một quy tắc cụ thể nhưng rất thông dụng.

Công thức: Noun + Adjective

Giải thích: Các từ này đã được hình thành và sử dụng rộng rãi, cần được học thuộc.

Ví dụ minh họa:

- **brand-new** (mới toanh) → He showed off his **brand-new** phone. (Anh ấy khoe chiếc điện thoại mới toanh của mình.)
- **homesick** (nhớ nhà) → Living abroad for the first time, she felt very **homesick**. (Lần đầu tiên sống ở nước ngoài, cô ấy cảm thấy rất nhớ nhà.)
- **seaworthy** (đủ tốt để đi biển) → The old boat was not considered **seaworthy**. (Con thuyền cũ không được coi là đủ tốt để đi biển.)
- **praiseworthy** (đáng khen ngợi) → His dedication to the project is truly **praiseworthy**. (Sự cống hiến của anh ấy cho dự án thực sự đáng khen ngợi.)

3. Bảng tổng hợp các tính từ kép (Noun + Adjective) phổ biến

Loại	Cấu trúc	Ý nghĩa	Ví dụ
Chỉ đặc điểm	Noun + Adjective	Có tính chất của danh từ	world-famous, ice-cold, paper-thin
Chỉ màu sắc	Noun + Color	Có màu sắc của danh từ	snow-white, sky-blue, jet-black
Miễn/Không có	Noun + free	Không chứa/không có...	sugar-free, duty-free, smoke-free
Thân thiện	Noun + friendly	Phù hợp, không gây hại cho...	user-friendly, eco-friendly, pet-friendly
Đặc biệt	Noun + Adjective	Các trường hợp riêng lẻ	brand-new, homesick, praiseworthy

4. Lưu ý quan trọng khi sử dụng

- Dấu gạch nối (-):** Tính từ kép thường có gạch nối khi đứng TRƯỚC danh từ nó bổ nghĩa (e.g., a **world-famous** singer). Khi nó đứng SAU động từ (thường là động từ to be hoặc động từ nối), nó có thể không cần gạch nối (e.g., The singer is **world famous**).
- Không có dạng số nhiều:** Danh từ trong tính từ kép luôn ở dạng số ít, ngay cả khi nó mang nghĩa số nhiều. Ví dụ: a **five-page** report (KHÔNG DÙNG a

five-pages report). Mặc dù đây là cấu trúc Số đếm + Danh từ, quy tắc này áp dụng chung cho các danh từ trong tính từ kép.

3. **Học thuộc:** Nhiều tính từ kép là các cụm từ cố định. Cách tốt nhất để sử dụng chúng một cách chính xác là học thuộc và đọc nhiều tài liệu tiếng Anh để làm quen.

VIDOCU.COM